

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SƠN TỊNH  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103 /2021/HNGĐ-ST

Ngày 06/9/2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tuyết Nga.

*Các hội thẩm nhân dân:* - Ông Nguyễn Công Huy

- Bà Nguyễn Thị Thu Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lưu Tấn Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Mã Thị H, sinh năm 1989; có đơn xin vắng mặt.

Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi;

Địa chỉ hiện nay: T 6, L Th, xã Th, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ liên hệ: Thôn B, xã Th, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Tr, sinh năm 1981; vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, bản tự khai bổ sung nguyên đơn chị Mã Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Nguyễn Tr trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Kon Tum vào ngày 24/5/2012. Sau ngày kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, anh Tr đã có gia đình nhưng không lo làm ăn, hay ghen tuông vô cớ nên thường xuyên gây gổ với chị do

đó mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị đã bỏ đi từ tháng 11 năm 2019, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị không còn yêu thương anh Tr nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đức A, sinh ngày 11/7/2012 và Nguyễn Đức Kh, sinh ngày 27/8/2015; hiện nay hai con do anh Nguyễn Tr đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị đồng ý giao hai con cho anh Tr tiếp tục nuôi dưỡng, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con đối với Nguyễn Đức A, sinh ngày 11/7/2012 mỗi tháng 2.000.000đồng.

Đối với yêu cầu của anh Nguyễn Tr cho rằng thời gian chị bỏ nhà đi, chị không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con làm cho cuộc sống của anh và các con rất khó khăn, nên anh Tr yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con thời gian từ tháng 02 năm 2019 đến tháng 5 năm 2021 là 27 tháng với số tiền 54.000.000đồng (năm mươi bốn triệu đồng) thì chị không đồng ý. Bởi vì do mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng, anh Tr đánh đập chị nên chị bỏ đi nhưng chị vẫn thường xuyên gửi tiền, gửi quà cho các con, chị vẫn quan tâm đến các con của chị. Đây là thời gian chị và anh Tr chưa ly hôn nên chị không đồng ý theo yêu cầu của anh Tr, chị chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn theo quyết định của Tòa án.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

*Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Tr vắng mặt nhưng đã có văn bản ngày 03/6/2021 trình bày ý kiến nội dung:*

Anh và chị Mã Thị H trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Kon Tum vào ngày 24/5/2012. Sau ngày kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, chị H không lo làm ăn, trộm cắp, ngoại tình nên anh đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng chị H không thay đổi tính tình, chị H đã bỏ đi từ tháng 02 năm 2019 vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, nay chị H xin ly hôn anh thì anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đức A, sinh ngày 11/7/2012 và Nguyễn Đức Kh, sinh ngày 27/8/2015; hiện nay hai con do anh đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con, yêu cầu chị Mã Thị H cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 11/7/2012 mỗi tháng 2.000.000đồng (hai triệu đồng).

Trong thời gian chị H bỏ nhà đi không có trách nhiệm với con, không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con làm cho cuộc sống của anh và các con rất khó khăn, do đó anh yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con trong thời gian chị H bỏ đi từ tháng 02 năm 2019 đến tháng 5 năm 2021 là 27 tháng, số tiền 54.000.000đồng (năm mươi bốn triệu đồng).

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không có ý kiến gì.

**\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh tại phiên tòa:**

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn anh Nguyễn Tr không chấp hành theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Mâu thuẫn giữa chị Mã Thị H và anh Nguyễn Tr đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị H được ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Chị Mã Thị H và anh Nguyễn Tr có 02 con chung là Nguyễn Đức A, sinh ngày 11/7/2012 và Nguyễn Đức Kh, sinh ngày 27/8/2015, hiện nay hai con đều do anh Tr đang nuôi dưỡng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83, 84, Điều 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 11/7/2012 và Nguyễn Đức Kh, sinh ngày 27/8/2015 cho anh Tr tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với Nguyễn Đức A, sinh ngày 11/7/2012 mỗi tháng 2.000.000đồng, cho đến khi cháu Nguyễn Đức A đủ 18 tuổi.

Đối với yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con trong thời gian chị H bỏ đi số tiền 54.000.000 (năm mươi bốn triệu đồng) của anh Nguyễn Tr là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; và nợ chung: Không có, anh Tr không có ý kiến gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mã Thị H phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:**

Về thẩm quyền: Chị Mã Thị H xin ly hôn anh Nguyễn Tr hiện đang cư trú và có hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi nên Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Mã Thị H có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Tr được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mã Thị H và anh Nguyễn Tr đăng ký kết hôn vào ngày 24/5/2012 tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Kon Tum là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày kết hôn chị H và anh Tr sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp tính nhau không

cùng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh Tr cho rằng chị H ngoại tình nên gây gổ với chị do đó mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị H bỏ đi từ tháng 11/2019, chị H và anh Tr sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh Tr, anh Tr đồng ý ly hôn với chị H.

Xét thấy: Mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân của chị H và anh Tr đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cho chị H được ly hôn với anh Tr là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Mã Thị H và anh Nguyễn Tr có 02 con chung là Nguyễn Đức A, sinh ngày 11/7/2012 và Nguyễn Đức Kh, sinh ngày 27/8/2015; hiện nay hai con do anh Tr đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị H đồng ý giao hai con cho anh Tr tiếp tục nuôi dưỡng, anh Tr yêu cầu được nuôi hai con.

Xét thấy: Cháu Nguyễn Đức Kh có nguyện vọng được ở với anh Tr, hiện nay cháu Nguyễn Đức Kh, Nguyễn Đức A đang sống ổn định với anh Tr, anh Tr được Hội liên hiệp phụ nữ xã H xác nhận có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử giao cháu Kh, cháu A cho anh Tr tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Tr yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Nguyễn Đức A mỗi tháng 2.000.000đồng (hai triệu đồng), chị H đồng ý cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng này nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc chị H cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 11/7/2012 mỗi tháng 2.000.000đồng (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi cháu Nguyễn Đức A đủ 18 tuổi.

Đối với yêu cầu của anh Nguyễn Tr về việc yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con trong thời gian chị H bỏ nhà đi từ tháng 02 năm 2019 đến tháng 5 năm 2021 là 27 tháng số tiền 54.000.000đồng (năm mươi bốn triệu đồng).

Xét thấy: Luật Hôn nhân và gia đình quy định người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, việc anh Tr yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con trong thời kỳ hôn nhân số tiền 54.000.000đồng (năm mươi bốn triệu đồng) là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Mã Thị H trình bày về tài sản chung và nợ chung không có, anh Nguyễn Tr không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung nên Hội Đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[3] Từ những nhận định trên xét quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Mã Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, 235, 266, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mã Thị H được ly hôn anh Nguyễn Tr.
2. Về con chung: Giao hai cháu là Nguyễn Đức A, sinh ngày 11/7/2012 và Nguyễn Đức Kh, sinh ngày 27/8/2015 hiện nay do anh Nguyễn Tr đang nuôi dưỡng cho anh Tr tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị Mã Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Nguyễn Đức A mỗi tháng 2.000.000đồng (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi cháu Nguyễn Đức A đủ 18 tuổi.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Tr về việc yêu cầu chị Mã Thị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong thời kỳ hôn nhân số tiền 54.000.000đồng (năm mươi bốn triệu đồng).

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mã Thị H chịu 300.000 đồng án ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng 600.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0006280 ngày 18/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh, chị Mã Thị H còn phải nộp số tiền 300.000đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong. Lãi suất phát sinh chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh;
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Lê Thị Tuyết Nga**